

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Ngân hàng Chất lượng cao,
ngành Tài chính – Ngân hàng, trình độ đại học hệ chính quy,
đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 10 chương trình đào tạo Chất lượng cao áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Ngân hàng Chất lượng cao, ngành Tài chính – Ngân hàng, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)



Điều 3. Trường các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Chất lượng cao, Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *Mh*

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- V.NH-TC
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KINH TẾ
QUỐC DÂN

PGS.TS Phạm Hồng Chương


TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KINH TẾ
QUỐC DÂN



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Chương trình Chất lượng cao)

*(Ban hành theo Quyết định số 1591 ngày 22 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

Ngành: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Major: Finance-Banking

CHƯƠNG TRÌNH NGÂN HÀNG CHẤT LƯỢNG CAO

Program: Banking

Mã ngành (Code of Major): 7340201

Hệ: CHÍNH QUY

Type of Education: Full-time

**Xây dựng từ chương trình của Đại học Kinh tế Quốc dân;
Đại học Tổng hợp Bang California, Long Beach, Hoa Kỳ
(Based on the curriculum of the NEU; California State University,
Long Beach, USA)**

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU /OBJECTIVE.....	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES... 2	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	3
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT.....	3
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS).....	3
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:	4
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	5
7.1. Cấu trúc kiến thức	5
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy.....	6
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION.....	9

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTD ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM):	CỬ NHÂN NGÂN HÀNG CHẤT LƯỢNG CAO (ADVANCED BACHELOR OF BANKING)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (FINANCE – BANKING)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU /OBJECTIVE

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng, Chương trình Ngân hàng Chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực quản trị và nghiệp vụ ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc, đặc biệt trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp/ Job opportunities after graduation

Sau khi ra trường sinh viên có nhiều cơ hội nghề nghiệp tại các tổ chức với môi trường làm việc năng động, quốc tế hóa, gồm: (i) Các ngân hàng trong và ngoài nước như ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng hợp tác xã; (ii) Các định chế tài chính trung gian như công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, tổ chức tài chính

vi mô, quỹ tín dụng nhân dân...; (iii) Các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính - Ngân hàng từ trung ương đến địa phương như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ/Sở Tài chính; Bộ/ Sở Kế hoạch Đầu tư...; (iv) Các công ty khởi nghiệp (Startup); (v) Các Viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước; (vi) Các doanh nghiệp kinh doanh khác trên thị trường.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Tài chính-Ngân hàng, Chương trình Ngân hàng Chất lượng Cao, sinh viên có khả năng:

Mã	Năng lực người học	Thang đo Bloom
PLO2.1.1	Hiểu kiến thức gồm cả lý thuyết và thực tiễn về hệ thống tài chính, đặc biệt là các hoạt động, quản lý và chính sách về các tổ chức và thị trường tài chính;	II
PLO2.1.3 PLO2.5.1	Vận dụng các kỹ năng để trình bày một báo cáo phân tích toàn diện về lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bao gồm kỹ năng viết và thuyết trình.	III
PLO2.1.2 PLO2.3.1	Đánh giá các chủ đề tài chính-ngân hàng trong nước và thế giới thông qua các phương pháp phân tích định lượng và định tính	V
PLO2.2.1 PLO2.6.1	Áp dụng các kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc nâng cao khả năng giao tiếp trong một thế giới năng động và đa dạng.	III
PLO2.4.1 PLO2.7.1	Sử dụng thành thạo các kỹ năng giải quyết các tình huống, trong đó tập trung vào lĩnh vực tài chính - ngân hàng.	III
PLO2.1.4	Phân tích hoạt động nghiệp vụ, quản trị và quản lý của các định chế tài chính, trong đó tập trung vào các tổ chức tín dụng	IV
PLO2.1.5	Hiểu biết các kiến thức về pháp luật và quy định của ngành ngân hàng;	II

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình Ngân hàng Chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 132 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học Chương trình Ngân hàng Chất lượng cao theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào Chương trình Ngân hàng Chất lượng cao.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

- **Thời gian đào tạo thiết kế** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

- **Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất

cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 132 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình chất lượng cao.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	47¹	
1.1. Các học phần chung	23	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	42	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	12	
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	132	Không kể GDQP-AN và GDTC

¹ Trong đây có 3 tín chỉ là các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy.

Kế hoạch học tập chuẩn

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tin chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				53		17	16	20	0	0	0	0	0
1.1. Các học phần chung				23		8	10	11	0	0	0	0	0
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	Tiếng Việt	3							
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin <i>Political economics of marxism and leninism</i>	2	Tiếng Việt		2						
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	Tiếng Việt		2						
4	4	LLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Vietnam Communist Party History</i>	2	Tiếng Việt			2					
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt			2					
6	6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Tiếng Anh 1, 2, 3 English 1,2,3	12	Tiếng Việt	4	8						
		GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	8	Tiếng Việt	x	x	x	x				
		GDQP	Giáo dục Quốc phòng và An ninh <i>Military Education</i>	8-11	Tiếng Việt			x					
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường				12		9	3	0	0	0	0	0	0
7	1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	3							
8	2	LUCS1129	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	3							
9	3	KHMI1101	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt	3							
10	4	KHMA1101	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt		3						
1.3. Các học phần của ngành				12		0	3	9	0	0	0	0	0
11	1	NHLT 1101	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 <i>Monetary and Financial Theories 1</i>	3	Tiếng Việt			3					

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
12	2	QLKT1101	Quản lý học 1 <i>Essentials of Management 1</i>	3	Tiếng Việt		3							
13	3	KTKE1101	Nguyên lý kế toán <i>Accounting Principles</i>	3	Tiếng Việt			3						
14	4	QTTH1102	Quản trị kinh doanh <i>Business Administration</i>	3	Tiếng Việt			3						
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				85		0	0	6	15	18	15	18	10	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		0	3	0	6	0	0	6	0	
15	1	NHTC1104	Tài chính doanh nghiệp 1 <i>Corporate Finance 1</i>	3	Tiếng Việt/ Tiếng Anh				3					
16	2	NHTM1102	Ngân hàng thương mại 1 <i>Commercial Banking 1</i>	3	Tiếng Việt/ Tiếng Anh				3					
17	3	NHTC1108	Thanh toán quốc tế <i>International Settlement</i>	3	Tiếng Việt/ Tiếng Anh						3			
18	4	NHTC1112	Nguyên lý bảo hiểm <i>Insurance Principles</i>	3	Tiếng Việt					3				
19	5	NHLT1103	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 <i>Monetary and Financial Theories 2</i>	3	Tiếng Việt				3					
2.2. Kiến thức ngành				42		0	0	3	6	18	12	9	10	
2.2.1. Các học phần bắt buộc				30		0	0	3	12	6	0	3	0	
20	1	NHLT1104	Đề án môn học LTTCTT <i>Course Project of Monetary and Financial Theories</i>	3	Tiếng Việt						3			
21	2	NHQT1107	Tài chính quốc tế 1 <i>International Finance 1</i>	3	Tiếng Việt/ Tiếng Anh					3				
22	3	NHQT1108	Tài chính quốc tế 2 <i>International Finance 2</i>	3	Tiếng Việt/ Tiếng Anh						3			
23	4	NHCK1117	Thị trường chứng khoán 1 <i>Stock Market 1</i>	3	Tiếng Việt				3					
24	5	NHCK1118	Thị trường chứng khoán 2 <i>Stock Market 2</i>	3	Tiếng Anh					3				
25	6	NHTM1111	Ngân hàng thương mại 2 <i>Commercial Banking 2</i>	3	Tiếng Anh					3				
26	7	NHTC1110	Tài chính doanh nghiệp 2 <i>Corporate Finance 2</i>	3	Tiếng Anh					3				
27	8	NHTM1107	Kế toán ngân hàng <i>Accounting for Banking</i>	3	Tiếng Việt							3		
28	9	NHCO1105	Tài chính công 1	3	Tiếng Việt				3					

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			<i>Public Finance 1</i>											
29	10	NHCO1106	Tài chính công 2 <i>Public Finance 2</i>	3	Tiếng Anh/ Tiếng Việt						3			
2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành (SV tự chọn 04 học phần trong tổ hợp sau)				12		0	0	0	0	0	15	0	0	
30 - 32	1	NHTM1109	Tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	Tiếng Việt							3		
	2	NHCO1119	Toán tài chính <i>Financial Mathematics</i>	3	Tiếng Việt			3						
	3	NHCK1106	Phân tích và Đầu tư chứng khoán <i>Securities Analysis and Investment</i>	3	Tiếng Anh						3			
	4	NHTC1113	Thẩm định tài chính dự án <i>Project Evaluation</i>	3	Tiếng Việt								3	
	5	TOKT1101	Kinh tế lượng 1 <i>Econometrics 1</i>	3	Tiếng Anh			3						
	6	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	Tiếng Việt			3						
	7	TOKT1106	Lý thuyết xác suất và thống kê toán <i>Probability and Mathematical Statistics</i>	3	Tiếng Anh				3					
	8	KTKE1104	Kế toán tài chính <i>Financial Accounting</i>	3	Tiếng Việt						3			
	9	TMQT1125	Thương mại điện tử <i>Electronic Commerce</i>	3	Tiếng Anh								3	
2.3. Kiến thức chuyên sâu				18										
33 - 38	1	NHTM1108	Chuyên đề Marketing Ngân hàng <i>Banking Services Marketing</i>	3	Tiếng Anh							3		
	2	NHTM1114	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	Tiếng Anh							3		
	3	LUKT1154	Luật ngân hàng <i>Banking Law</i>	3	Tiếng Việt							3		
	4	NHTM1122	Tài chính vi mô Microfinance	3	Tiếng Anh							3		
	5	NHCO1111	Ngân hàng trung ương <i>Central Banking</i>	3	Tiếng Việt						3			
	6	NHTM1109	Ngân hàng phát triển <i>Development Banking</i>	3	Tiếng Anh/ Tiếng Việt							3		
39	2.4.	NHTM1102	<i>Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis</i>	10	Tiếng Anh/ Tiếng Việt									10
Tổng số TC toàn khóa				132										

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.


VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGÂN HÀNG TÀI CHÍNH



PGS.TS. Hoàng Xuân Quế

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Phạm Hồng Chương